

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thông tin dự án và bảng theo dõi tiến độ
thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án
Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 351/TB-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh về kết luận của đồng chí Vương Quốc Tuấn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 525-KL/TU ngày 10/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3);

Xét đề nghị của UBND xã Đại Phúc tại Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 22/7/2026 và hồ sơ, tài liệu liên quan kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thông tin dự án và bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3) tỉnh Thái Nguyên, với nội dung sau:

I. Thông tin dự án

1. Tên dự án: Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3).

2. Mục tiêu dự án

- Cụ thể hóa Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị văn hóa thể thao Nam Núi Cốc tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND thành phố Phổ Yên (trước sắp xếp đơn vị hành chính).

- Đầu tư xây dựng Khu đô thị được đầu tư đầy đủ, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hài hòa với môi trường, khai thác triệt để các khu chức năng hợp lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất. Tạo điều kiện hình thành, phát triển mở rộng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương thông qua các khoản thuế, phí....

3. Quy mô đầu tư:

a) Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án

Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt, bao gồm: san nền; giao thông; thoát nước mưa; thoát nước thải và xử lý nước thải; cấp nước; cấp điện; thông tin liên lạc; công trình cây xanh TDTT, cây xanh cảnh quan.

b) Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc

- Đầu tư xây dựng các công trình biệt thự tại các ô đất ký hiệu DOM3-01 đến DOM3-27 với tổng diện tích đất khoảng 124.925,65 m², mật độ xây dựng gộp 60%, tầng cao 3 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng 74.955,39 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 224.866,17 m².

- Đầu tư các công trình thương mại dịch vụ tại các ô đất ký hiệu từ TMDV-01 đến TMDV-08 với tổng diện tích đất khoảng 17.440,39 m², mật độ xây dựng 40%, tầng cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 20.928,47 m².

- Đầu tư xây dựng các công trình dịch vụ tại các ô đất ký hiệu từ DDV3-01 đến DDV3-04 với tổng diện tích đất khoảng 23.489,54 m², mật độ xây dựng 40%, tầng cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 28.187,4 m².

- Đầu tư xây dựng công trình du lịch tại ô đất ký hiệu DVDL3-01, diện tích đất khoảng 25.410,60 m², mật độ xây dựng 25%, tầng cao 7 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 44.469,55 m²; Đầu tư xây dựng công trình du lịch tại ô đất ký hiệu DVDL3-02 với diện tích đất khoảng 6.478,91 m², mật độ xây dựng 25%, tầng cao 3 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.859,18 m².

4. Vốn đầu tư của dự án (Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án): **2.981.427 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai nghìn, chín trăm tám mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng). Trong đó:

- Chi phí thực hiện dự án: 2.697.995 triệu đồng.
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 283.432 triệu đồng.

5. Địa điểm thực hiện dự án: xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên.

Ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện trạng.
- Phía Tây: Giáp Hồ Núi Cốc.
- Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp và khu dân cư hiện trạng.
- Phía Bắc: Giáp Hồ Núi Cốc và đất rừng.

6. Hiện trạng sử dụng đất:

Khu đất đề xuất dự án chưa được bồi thường, giải phóng mặt bằng. Hiện trạng sử dụng đất cụ thể như sau:

STT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Đất trồng lúa (LUC)	100.246,0	23,41	
2	Đất trồng cây hàng năm BHK	650,4	0,15	
3	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	2.547,8	0,60	
4	Đất rừng sản xuất (RSX)	287.126,7	67,06	
5	Đất ở hiện trạng (ONT)	16.308,7	3,81	
	Đất trồng cây lâu năm (CLN, cùng thửa đất ở)	7.167,3	1,67	
6	Đất thủy sản (NTS)	934,15	0,22	
7	Đất giao thông (DGT)	12.585,4	2,94	
8	Đất khác (đất rừng phòng hộ, đất mặt nước...)	594,3	0,14	
	Tổng cộng	428.160,71	100	

7. Diện tích thực hiện dự án: khoảng 42,82 ha.

8. Mục đích sử dụng đất: (Có phụ lục 01 kèm theo)

9. Các chỉ tiêu quy hoạch: (Có phụ lục 02 kèm theo)

Sau khi có quyết định được giao nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án tuân thủ theo quy hoạch phân khu dự án tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị văn hóa thể thao Nam Núi cốc được UBND

thành phố Phổ Yên (trước sắp xếp) phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/02/2025, tuân thủ quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và dân cư khu vực.

10. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất.

11. Tiến độ thực hiện dự án: 60 tháng kể từ ngày được quyết định giao đất, cho thuê đất.

12. Bên mời thầu: UBND xã Đại Phúc.

13. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư:

- Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi quốc tế.
- Phương thức lựa chọn nhà đầu tư: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

14. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: từ Quý III năm 2026.

15. Các nội dung có liên quan

15.1. Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và quỹ đất phát triển nhà ở xã hội

- Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở dự án: Đầu tư xây dựng các công trình biệt thự tại các ô đất ký hiệu DOM3-01 đến DOM3-27 với tổng diện tích đất khoảng 124.925,65 m²; Mật độ xây dựng gộp 60%; tầng cao 3 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng 74.955,39 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 224.866,17 m².

- Quỹ đất phát triển nhà ở xã hội: Dự án không bố trí quỹ đất nhà ở xã hội; Nhà đầu tư đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Đất ở tái định cư tại các ô đất ký hiệu TĐC với tổng diện tích khoảng 6.198,67 m².

15.2. Sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án

- Phương án đầu tư xây dựng:

+ Nhà đầu tư đầu tư xây dựng toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới của dự án theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo đồng bộ, kết nối với hạ tầng kỹ thuật ngoài phạm vi dự án.

+ Đầu tư xây dựng các công trình biệt thự tại các ô đất ký hiệu DOM3-01 đến DOM3-27 với tổng diện tích đất khoảng 124.925,65 m².

+ Đầu tư các công trình thương mại dịch vụ tại các ô đất ký hiệu từ TMDV-01 đến TMDV-08 với tổng diện tích đất khoảng 17.440,39 m².

+ Đầu tư xây dựng các công trình dịch vụ tại các ô đất ký hiệu từ DDV3-01 đến DDV3-04 với tổng diện tích đất khoảng 23.489,54 m².

+ Đầu tư xây dựng công trình du lịch tại ô đất ký hiệu DVDL3-01, DVDL3-02 với tổng diện tích đất khoảng 31.889,51 m².

- Phương án quản lý hạ tầng trong phạm vi dự án: Nhà đầu tư thực hiện quản lý, vận hành toàn bộ phần hạ tầng trong phạm vi dự án cho đến khi hoàn thành bàn giao cho cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng theo quy định.

15.3. Sơ bộ phần hạ tầng khu đô thị nhà đầu tư được giữ lại để đầu tư, kinh doanh và phần hạ tầng bàn giao lại cho địa phương

- Phần hạ tầng khu đô thị nhà đầu tư giữ lại để đầu tư, kinh doanh: đất nhóm nhà mới thấp tầng, công trình thương mại dịch vụ, công trình dịch vụ, du lịch.

Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng dự án, nhà đầu tư được quyền chuyển nhượng, khai thác, kinh doanh theo quy định.

- Phần hạ tầng khu đô thị nhà đầu tư bàn giao cho địa phương quản lý:

+ Đối với quỹ đất bố trí bãi đỗ xe và khuôn viên cây xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bãi đỗ xe, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp...: Chủ đầu tư sẽ thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo theo đúng quy hoạch được duyệt sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.

+ Đối với các phần đất để xây dựng nhà văn hóa, trung tâm văn hóa - thể thao, trường học, trạm y tế...: Chủ đầu tư sau khi hoàn thành xong phần hạ tầng kỹ thuật của dự án sẽ bàn giao phần diện tích đất này cho địa phương để thực hiện việc xây dựng công trình theo quy định.

+ Quỹ đất ở tái định cư: Tổng diện tích khoảng 6.198,67m².

Sau khi đầu tư xong các hạng mục trên theo quy hoạch chi tiết được duyệt, nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao lại cho cơ quan, tổ chức để quản lý, sử dụng theo quy định.

(Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở, quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, phương án đầu tư xây dựng trên là dự kiến, phương án đầu tư chính thức tuân thủ theo quy hoạch chi tiết 1/500 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

II. Phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án

Chi tiết theo phụ lục 03 kèm theo.

Điều 2. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND xã Đại Phúc phê duyệt hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Đại Phúc chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về thông tin, số liệu trong đề xuất phê duyệt thông tin dự án đầu tư.

UBND xã Đại Phúc thực hiện trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định tại Điều 79 Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025); tổ chức thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định, quá trình thực hiện phải đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, các quy định của pháp luật về đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của ngành, đơn vị hướng dẫn UBND xã Đại Phúc thực hiện các thủ tục theo đúng quy định.

3. Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên phối hợp với UBND xã Đại Phúc và đơn vị có liên quan để đăng tải nội dung phê duyệt thông tin dự án lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương, Thuế tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND xã Đại Phúc và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

Tâmtđ. QĐ.160.2026

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Linh

Phụ lục 01
Bảng cơ cấu nhu cầu sử dụng đất

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất khu 3 theo quy hoạch phân khu được phê duyệt QĐ 835/QĐ-UBND		Diện tích đất phân khu 3 đề xuất dự án	
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)	(ha)	(%)
A	ĐẤT DÂN DỤNG	52,93	92,88	39,63	92,6
I	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	29,39	51,57	29,48	68,8
1	Đất nhóm nhà ở	22,06	38,71	13,11	30,6
2	Đất thương mại dịch vụ	2,66	4,67	1,74	4,1
3	Đất y tế	0,29	0,51	0,29	0,7
4	Đất văn hóa		-	0,18	0,4
5	Đất trường học	1,04	1,82	1,04	2,4
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở		-	6,81	15,9
7	Đất cây xanh TDTT	0,61	1,07	0,61	1,4
8	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật		-	0,17	0,4
9	Đất bãi đỗ xe	1,35	2,37	1,24	2,9
10	Đất giao thông nội khu	1,38	2,42	4,28	10,0
II	NGOÀI ĐƠN VỊ Ở	23,54	41,31	10,15	23,7
1	Đất công trình dịch vụ	2,49	4,37	2,35	5,5
2	Đất văn hóa đô thị	0,34	0,60	0,30	0,7
3	Đất cây xanh hạn chế	8,71	15,28	1,68	3,9
4	Đất cây xanh chuyên dụng	0,22	0,39	0,17	0,4
5	Đất cây xanh công cộng đô thị	3,22	5,65		
6	Đất giao thông khu vực, đô thị	5,8	10,18	5,65	13,2
7	Đất di tích tôn giáo	0,29	0,51		
8	Hạ tầng kỹ thuật khác	0,17	0,30		
9	Hồ ao, đầm	2,3	4,04		
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	4,06	7,12	3,19	7,4
1	Đất du lịch	4,06	7,12	3,19	7,4
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	56,99	100,00	42,82	100,0

Phụ lục 02
Bảng các chỉ tiêu quy hoạch

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD
			(m ²)	(%)	(%)	(tầng)	(lần)
A	ĐẤT DÂN DỤNG		396.271,20	92,6			
I	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở		294.782,49	68,8			
1	Đất nhóm nhà ở		131.124,32	30,6			
1,1	Đất nhóm nhà mới thấp tầng	DOM3.01-3.27	124.925,65	29,2	60	3	1,8
1,2	Đất ở tái định cư	TDC	6.198,67	1,4	60	3	1,8
2	Đất thương mại dịch vụ	TMDV 01-08	17.440,39	4,1	40	3	1,2
3	Đất y tế	YT	2.861,85	0,7	40	3	1,2
4	Đất văn hóa	NVH	1.790,91	0,4	40	3	1,2
5	Đất trường học	DGD	10.440,91	2,4	40	3	1,2
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở	CX	68.062,18	15,9	5	1	0,05
7	Đất cây xanh TDTT	TDTT	6.107,66	1,4			
8	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1.711,14	0,4			
9	Đất bãi đỗ xe	P	12.449,84	2,9	5	1	0,05
10	Đất giao thông nội khu		42.793,30	10			
II	NGOÀI ĐƠN VỊ Ở		101.488,71	23,7			
1	Đất công trình dịch vụ	DDV3.01-3.04	23.489,54	5,5			
2	Đất văn hóa đô thị	VHDT	2.981,10	0,7	40	3	1,2
3	Đất cây xanh hạn chế	CXHC	16.808,78	3,9			
4	Đất cây xanh chuyên dụng	CXCD	1.741,07	0,4			
5	Đất giao thông khu vực, đô thị		56.468,22	13,2			
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		31.889,51	7,4			
1	Đất du lịch	DVDL	31.889,51	7,4			
1,1	Đất du lịch	DVDL3-01	25.410,6	5,9	25	7	1,8
1,2	Đất du lịch	DVDL3-02	6.478,9	1,5	25	3	0,8
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT			428.160,71	100,0			

** Các chỉ tiêu đề xuất trên đây chỉ mang tính dự kiến, sau khi có quyết định được giao là nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án, tuân thủ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị văn hóa thể thao Nam Núi Cốc được UBND thành phố Phổ Yên (trước sắp xếp) phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/02/2025, tuân thủ quy định tại Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất và dân cư khu vực.*

Đối với diện tích đất (Cây xanh hạn chế, cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh chuyên dụng) nằm trong phạm vi bảo vệ công trình hồ Núi Cốc, giữ nguyên hiện trạng, không bố trí các hạng mục công trình khi xây dựng phải san lấp, tôn nền làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi; Đối với các cầu qua hồ (có mố cầu nằm ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trụ cầu nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi), việc đầu tư xây dựng phải đảm bảo không gian mở, không cản trở lưu thông dòng chảy tự nhiên, nuôi trồng thủy sản, không quây kín thành không gian riêng của dự án; sau khi đầu tư các hạng mục công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ Núi Cốc nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao cho Nhà nước quản lý theo quy định).

Phụ lục 03**Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3)***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

1. Dự án: Khu đô thị Nam Hồ Núi Cốc (phân khu 3).
2. Bên mời thầu: UBND xã Đại Phúc.
3. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư:
 - Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đấu thầu rộng rãi quốc tế;
 - Phương thức lựa chọn nhà đầu tư: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư: từ Quý III/2026.

STT	Các hoạt động cơ bản trong lựa chọn nhà đầu tư	Thời gian thực hiện (theo kế hoạch)		Thời gian thực hiện (theo thực tế)		Số ngày chênh lệch	
		Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)	Số ngày	Tổng số ngày (cộng dồn)
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Lập hồ sơ mời thầu	15 ngày	15				
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu	05 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình)	20				
3	Phê duyệt hồ sơ mời thầu	05 ngày (kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định)	25				
4	Đăng tải TBMT và Phát hành hồ sơ mời thầu; chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu; Đóng thầu/Mở hồ sơ dự thầu	60 ngày (kể từ ngày phê duyệt HSMT)	85				
5	Đánh giá hồ sơ dự thầu	10 ngày	95				
6	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	10 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình)	105				
7	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	05 ngày (kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định)	110				

